

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 23/2024/DS -ST

Ngày: 26/4/2024

(V/v: *Tranh chấp hợp đồng*
sử dụng thẻ tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu

2. Ông Nguyễn Văn Đô.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Trúc - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 446/2023/TLST-DS ngày 20/12/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-DS ngày 08/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2024/QĐST-DS ngày 29/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ trụ sở: Số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Nguyễn Thanh C – Chuyên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 595 ngày 05/3/2024).

Bị đơn: Ông Võ Thành N, sinh năm 1987,

Địa chỉ: Khu phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Võ Thành N có vay của Ngân hàng TMCP K - Phòng G số tiền 30.000.000 đồng theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 929/18/BĐ/2502 -07411 ngày 03/11/2018, cụ thể như sau:

Giấy đăng kí phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1: số hợp đồng 929/18/BD/2502-07411 ngày 03/11/2018 được kí kết với ông Võ Thành N. Hạn mức: 30.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay: 22%/năm; Lãi suất chậm trả: 3.5%/kỳ; Phí vượt hạn mức: 0.075%/ngày; Kỳ hạn trả lãi vay: Hàng tháng. Các ngày trả lãi vay là ngày 5 hàng tháng. Tiền lãi vay được tính bằng dư nợ vay thực tế nhân lãi suất vay (%/năm) nhân lãi suất vay (%/năm) số ngày vay thực tế chia 365 ngày. Trong đó, nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 01 ngày thì được tính đủ 01 ngày. Kỳ hạn trả nợ gốc: Thanh toán tối thiểu so với dư nợ trong kì là 5%. Tỷ lệ này do K2 quy định và có thể thay đổi trong từng kì. Số tiền thanh toán tối thiểu mỗi kì bằng 5% (dư nợ cuối kì trừ số tiền vượt mức trong kì trừ số tiền trả góp trong kì) cộng số tiền vượt hạn mức trong kỳ cộng số tiền trả góp trong kỳ. Dư nợ cuối kì bằng dư nợ đầu kì trừ các khoản đã thanh toán trong kỳ cộng các khoản chi tiêu trong kỳ cộng phí cộng lãi. Khoản vay hạn mức thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, Ông Võ Thành N chỉ thanh toán được 1 phần nghĩa vụ trả nợ chưa thanh toán, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết. Tạm tính đến 20/11/2023, Ông N còn nợ Ngân hàng K số tiền cụ thể như sau: Vốn gốc còn lại 29.064.770 đồng, lãi phát sinh còn lại 18.303.686 đồng, phí phạt chậm trả còn lại 17.034.026 đồng, phí phạt vượt hạn mức còn lại 6.972.657 đồng. Tổng cộng nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Võ Thành N tại Ngân hàng TMCP K là: 71.375.139 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Võ Thành N thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền là 71.375.139 đồng tạm tính đến ngày 20/11/2023 và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Giấy đăng kí phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 929/18/BD/2502-07411 ngày 03/11/2018 được kí kết với Ông Võ Thành Nhân t từ ngày 21/11/2023 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn trình bày: yêu cầu ông Võ Thành N thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền là 79.542.124 đồng tính đến ngày 26/4/2024 và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/4/2024 cho đến ngày thanh toán dứt nợ theo thỏa thuận trong Giấy đăng kí phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 929/18/BD/2502-07411 ngày 03/11/2018 được kí kết giữa Ngân hàng với ông Võ Thành N.

*Bị đơn ông Võ Thành N có hộ khẩu thường trú tại khu phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, do ông N thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Võ Thành N vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định

của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn ông Võ Thành N có nơi cư trú tại khu phố A, phường M, thành phố P. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

1.2. Bị đơn ông Võ Thành N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các thủ tục nhưng ông N vẫn không có mặt tại Tòa để giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Trong vụ án này các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật không xem xét áp dụng thời hiệu.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Võ Thành N có kí hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng TMCP K - Phòng G theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 929/18/BĐ/2502 - 07411 ngày 03/11/2018 và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K3, có hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất cho vay: 22%/năm, lãi suất chậm trả 3,5%/kỳ, phí vượt hạn mức 0,075%/ngày, kỳ hạn trả lãi vay hàng tháng. Khoản vay hạn mức thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo.

Xét hình thức và nội dung của hợp đồng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức và pháp luật, tuân thủ theo các quy định tại các Điều 463, Điều 464, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Xét thấy, tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 ngày 03/11/2018, ông N đã ký và xác nhận cam kết với nội dung: *Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận rằng đã đọc hiểu và chấp nhận bị ràng buộc bởi Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng quốc tế K1. Tôi xác nhận rằng, nếu được chấp thuận, thì giấy đề nghị này do tôi ký bên dưới, cùng với Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng quốc tế K1 cùng với Thông báo chấp thuận cấp Thẻ tín dụng, Bảng sao kê tạo thành một hợp đồng ràng buộc về mặt pháp lý và có hiệu lực giữa tôi và K1.*

Bị đơn ông Võ Thành N đã cam kết bị ràng buộc bởi Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng quốc tế K1 theo hợp đồng tín dụng số

929/18/BĐ/2502 - 07411 ngày 03/11/2018, tuy nhiên quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn ông Võ Thành N không thanh toán hết nợ gốc và lãi vay đầy đủ theo thoả thuận. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[3] Vì vậy, Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Võ Thành N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì có cơ sở được chấp nhận.

Đây là việc vay tiền của tổ chức tín dụng nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 464, Điều 465 và Điều 466 Bộ Luật dân sự;
- Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;
- Luật ngân hàng N1;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc ông Võ Thành N phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 26/4/2024 là: 79.542.124 đồng (trong đó nợ gốc: 29.064.772 đồng, nợ lãi 50.477.352 đồng) và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 27/4/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2 929/18/BĐ/2502 - 07411 ngày 03/11/2018 và Bản chấp thuận về Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP K.

3/ Về án phí: Ông N phải chịu 3.977.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho Ngân hàng TMCP K 1.784.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001079 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2024). Quyền kháng cáo bản án của bị đơn vắng mặt tại phiên toà là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kiều Thu Nguyễn Văn Đ

Vũ Thị Thu Hà

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lưu Thị Thôi Nguyễn Văn Đô Phạm Phong L

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Phong Lan